

Số: 30 /2021/NQ-HĐND

Hậu Giang, ngày 09 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2022 - 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA X KỶ HỌP THỨ NĂM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét Tờ trình số 170/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2022 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Hậu Giang áp dụng cho giai đoạn 2022 - 2025 theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng: Sở, ban, ngành, đoàn thể, các cơ quan khác ở cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến

lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Hậu Giang.

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2022 - 2025

1. Việc xây dựng hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2022 - 2025 phải góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh; ưu tiên bố trí kinh phí cho những lĩnh vực quan trọng và nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

2. Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2022 - 2025. Thúc đẩy từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, phấn đấu giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, góp phần cơ cấu ngân sách nhà nước, sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, xã, tinh giản biên chế, thực hiện cải cách tiền lương và bảo hiểm xã hội, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng đơn vị và địa phương.

3. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công để giảm mức hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn bảo đảm chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hoá, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển kinh tế - xã hội.

4. Tăng cường tính chủ động, gắn với chức năng, nhiệm vụ, chế độ, chính sách chi ngân sách nhà nước.

5. Tiêu chí phân bổ ngân sách phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, kiểm tra và giám sát; bảo đảm công bằng, công khai và minh bạch.

6. Định mức phân bổ của ngân sách địa phương được xây dựng cho các lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, bảo đảm chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ và mức tiền lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, hoạt động của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được Nhà nước ban hành đến thời điểm Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022.

Điều 3. Tiêu chí, căn cứ của định mức phân bổ ngân sách địa phương

1. Về dân số: Số dân số của từng huyện, thị xã, thành phố được xác định theo số liệu do Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh công bố.

2. Về biên chế: Biên chế được xác định trên cơ sở quyết định giao biên chế của cấp có thẩm quyền theo quy định.

Điều 4. Định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2022 - 2025



1. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên cấp tỉnh: *Đính kèm Phụ lục I.*

2. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là ngân sách cấp huyện) bao gồm ngân sách xã, phường, thị trấn (gọi chung là ngân sách cấp xã): *Đính kèm Phụ lục II.*

3. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên của các đơn vị cấp tỉnh và cấp huyện giai đoạn 2022 - 2025 theo khoản 1, khoản 2 Điều này bao gồm tất cả các nhiệm vụ chi của từng đơn vị, từng cấp ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phân cấp của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang. Hàng năm căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh cho phù hợp để đáp ứng thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 5. Nghị quyết này bãi bỏ Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc thông qua định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2017 - 2020.

Điều 6. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết theo quy định pháp luật.

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa X Kỳ họp thứ Năm thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2021. / *Chữ*

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (HN - TP. HCM);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT. *Chữ*

CHỦ TỊCH



Trần Văn Huyền



Phụ lục I

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CẤP TỈNH

theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân tỉnh Hậu Giang)

1. Định mức phân bổ dự toán chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể

- Định mức phân bổ kinh phí hoạt động thường xuyên cho biên chế và cho hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp được sửa đổi, bổ sung tại Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (gọi là hợp đồng Nghị định số 161/2018/NĐ-CP):

(1) Các đơn vị cấp Sở và tương đương

- Dưới 11 biên chế: 40 triệu đồng/biên chế/năm.

- Từ biên chế 11 trở lên: 37 triệu đồng/biên chế/năm.

(2) Các đơn vị trực thuộc Sở và tương đương

- Dưới 11 biên chế: 34 triệu đồng/biên chế/năm.

- Từ biên chế 11 trở lên: 32 triệu đồng/biên chế/năm.

(3) Các đơn vị trực thuộc của đơn vị trực thuộc Sở và tương đương

- Dưới 11 biên chế: 31 triệu đồng/biên chế/năm.

- Từ biên chế 11 trở lên: 28 triệu đồng/biên chế/năm.

(4) Định mức phân bổ kinh phí cho hợp đồng lao động theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP, do ngân sách nhà nước đảm bảo 18 triệu đồng/biên chế/năm.

+ Định mức phân bổ kinh phí hoạt động thường xuyên tính theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm số lượng người làm việc theo hợp đồng Nghị định số 161/2018/NĐ-CP) đối với đơn vị đã thực hiện theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

+ Định mức phân bổ kinh phí hoạt động thường xuyên tính theo biên chế thực tế (bao gồm số lượng người làm việc theo hợp đồng Nghị định số 161/2018/NĐ-CP) và không vượt biên chế, số lượng người làm việc theo hợp đồng được cấp có thẩm quyền giao đối với đơn vị chưa thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

+ Định mức phân bổ bao gồm:

. Các khoản chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy các cơ quan: Khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể; nâng lương thường xuyên, thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị, sơ kết, tổng kết; đoàn ra, đoàn vào; vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng; cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, công nghệ thông tin, nghiên cứu khoa học cấp (Sở, ngành),



đào tạo, bồi dưỡng thuộc thẩm quyền chi hỗ trợ hoạt động cho công tác đảng, đoàn thể trong cơ quan và các nhiệm vụ phát sinh khác theo quy định thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

. Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: Chi nghiệp vụ chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực, chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; xây dựng, hoàn thiện, kiểm tra, rà soát, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật; chỉnh lý hồ sơ lưu trữ; chi hoạt động kiểm tra, giám sát.

. Kinh phí bảo dưỡng, bảo trì, tính chất thường xuyên các công trình cơ sở hạ tầng, tài sản phục vụ công tác chuyên môn; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định.

+ Định mức phân bổ không bao gồm:

. Chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương.

. Các khoản chi đặc thù mang tính chất chung của các Sở, cơ quan cấp tỉnh, đảng, đoàn thể tỉnh: Kinh phí đối ứng của các dự án; chi thuê trụ sở; chi tổ chức Đại hội nhiệm kỳ; chi hoạt động của các Ban chỉ đạo, chi mua ô tô, sửa chữa lớn trụ sở.

. Các khoản chi đặc thù mang tính chất riêng biệt của các cơ quan không đưa được vào định mức phân bổ: Kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê đặc thù, đột xuất; trang phục, kinh phí trích theo sổ thu thực nộp ngân sách Nhà nước; hỗ trợ các tổ chức tôn giáo, tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, chi giám sát, phản biện xã hội.

. Chi nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên khác được cơ quan có thẩm quyền quyết định.

- Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất tiền lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn...) đối với biên chế được giao được tính theo quy định hiện hành. Đối với hợp đồng lao động theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP, lương và các khoản phụ cấp do ngân sách nhà nước đảm bảo như của năm 2021 (hoặc được tính bằng mức lương tối thiểu vùng và theo quy định của Nghị định số 161/2018/NĐ-CP), cụ thể như sau:

+ Ngân sách đảm bảo 100% theo biên chế (bao gồm hợp đồng theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP) được cấp thẩm quyền giao. Đối với biên chế chưa tuyển dụng đủ theo chỉ tiêu biên chế được giao được tính theo hệ số lương 2,34 và các khoản phụ cấp theo lương cùng các khoản đóng góp theo quy định. Đối với hợp đồng lao động theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP đơn vị tự chủ chưa tuyển dụng đủ chỉ tiêu hợp đồng được giao được tính bằng mức lương tối thiểu vùng hoặc theo hệ số lương thấp nhất tương ứng với từng loại công việc trong thang bảng lương quy định của Nhà nước.

- Các nhiệm vụ đặc thù phát sinh khác:

Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, ngoài định mức phân bổ nêu trên có tính toán bổ sung thêm các nhiệm vụ chi đặc thù cụ thể của từng đơn vị.

- Các Hội đặc thù tùy theo loại hình hoạt động của đơn vị được ngân sách Nhà nước hỗ trợ chi hoạt động theo quy định hiện hành; định mức chi hoạt động

được vận dụng tối đa bằng định mức phân bổ kinh phí hoạt động thường xuyên chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể của đơn vị cùng quy mô biên chế; lương, phụ cấp và các khoản có tính chất tiền lương, thù lao tính theo quy định hiện hành.

- Trên cơ sở biên chế hành chính được cơ quan có thẩm quyền giao và mức được chi thường xuyên theo định mức phân bổ, khuyến khích các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh tinh giản biên chế, tiết kiệm chi tiêu để tăng thu nhập cho cán bộ, công chức và tăng chi cho các nhiệm vụ trọng tâm của cơ quan, đơn vị.

- Dự toán chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách được xác định theo biên chế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và định mức phân bổ chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể điều chỉnh tăng, giảm theo khả năng ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân quyết định trong phương án phân bổ ngân sách tỉnh hằng năm.

2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp

- Thực hiện phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 cho các lĩnh vực sự nghiệp căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, định hướng đổi mới khu vực sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, các quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định của pháp luật về việc giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công theo tiêu chí chung, trong đó:

+ Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên. Đơn vị thực hiện báo cáo đầy đủ nguồn thu, nhiệm vụ chi năm hiện hành và dự kiến năm kế hoạch; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, gửi Sở Tài chính cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

+ Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công chưa tính đủ chi phí. Thực hiện khoán chi ngân sách hỗ trợ giai đoạn 2022 - 2025 và yêu cầu giảm tối thiểu 15% so với giai đoạn 2017 - 2021. Đồng thời, yêu cầu dành nguồn thu sự nghiệp của các đơn vị để thực hiện cải cách tiền lương, ngân sách chỉ hỗ trợ kinh phí thực hiện cải cách tiền lương tối đa theo tỷ lệ ngân sách hỗ trợ chi thường xuyên.

+ Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Được vận dụng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ như đối với lĩnh vực chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể. Tiếp tục giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước so với giai đoạn 2016 - 2020 trừ các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW; đồng thời, thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên nguồn ngân sách tăng thêm hằng năm và sắp xếp từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước được giao để thực hiện cải cách chính sách tiền lương.



Ngân sách nhà nước giảm cấp chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công lập đối với các khoản chi đã được kết cấu vào giá dịch vụ theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ của từng lĩnh vực sự nghiệp công.

- Đối với kinh phí thực hiện các chương trình, dự án sự nghiệp, những khoản chi có tính chất hoạt động đặc thù của ngành được tính trên cơ sở nhiệm vụ thực tế được giao, theo định mức, chế độ và khả năng cân đối ngân sách.

- Ưu tiên bố trí kinh phí cho lĩnh vực nông nghiệp, du lịch để thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

3. Đối với định mức phân bổ được quy định cụ thể đối với một số sự nghiệp sau:

- Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên sự nghiệp giáo dục: Trên cơ sở bảo đảm tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) tối đa 81%, chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi tiền lương và các khoản có tính chất lương tối thiểu 19% (chưa kể nguồn thu học phí).

Trên cơ sở định mức phân bổ cho ngành nêu trên, căn cứ vào điều kiện cụ thể xây dựng phương án phân bổ cho từng đơn vị trực thuộc, bảo đảm phù hợp với thực tế, khả năng nguồn kinh phí để hoàn thành nhiệm vụ và làm cơ sở để xác định giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho từng đơn vị.

Phân bổ theo tiêu chí bổ sung bảo đảm các chế độ, chính sách: Học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật; hỗ trợ học sinh phổ thông trung học vùng đặc biệt khó khăn; hỗ trợ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập.

- Đối với chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình

Căn cứ tổng dự toán chi thường xuyên theo định mức phân bổ của cấp có thẩm quyền, các đơn vị sự nghiệp phải tuân thủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và thực hiện phân bổ theo cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Đối với các đơn vị chưa tự bảo đảm được chi thường xuyên, ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên, theo định mức như sau:

+ Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động chi thường xuyên cho các đơn vị được giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ y tế dự phòng (bao gồm cả trạm y tế xã, phường, thị trấn), nâng cao sức khỏe, dân số, an toàn thực phẩm thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, bao gồm:

. Chi tiền lương, các khoản đóng góp theo lương và các khoản phụ cấp theo chế độ do Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công được xác định trên cơ sở số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao để thực hiện nhiệm vụ cung cấp y tế dự phòng, nâng cao sức khỏe, dân số, an toàn thực phẩm.

. Chi phí vận hành, bảo đảm hoạt động thường xuyên và các khoản chi đặc thù khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao và chế độ quy định.

+ Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên của đơn vị làm nhiệm vụ khám, chữa bệnh, chăm sóc, nuôi dưỡng người bệnh phong, tâm

thần theo cơ chế đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trên cơ sở số lượng đối tượng, đơn giá khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc và nuôi dưỡng của các đối tượng được cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật.

+ Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí trong trường hợp đơn vị chưa tự bảo đảm được chi thường xuyên đối với các hoạt động: Khám, chữa bệnh, kiểm dịch y tế, y tế dự phòng, dân số - kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản; truyền thông giáo dục sức khỏe; giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, giám định y khoa; kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, nguyên liệu làm thuốc; kiểm định vắc xin, sinh phẩm; kiểm nghiệm an toàn thực phẩm, kiểm chuẩn, hiệu chuẩn.

+ Định mức hỗ trợ chi các hoạt động thường xuyên đối với các đơn vị sự nghiệp y tế tối đa 25 triệu đồng/biên chế/năm. Các khoản chi trên là mức tối đa ngân sách nhà nước hỗ trợ; năm đầu của thời kỳ ổn định, căn cứ vào nguồn thu, nhiệm vụ chi và phương án tự chủ được phê duyệt, ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ theo quy định.

+ Đối với chế độ phụ cấp nhân viên y tế áp, khu vực; chế độ chi hỗ trợ đối với công tác viên dân số áp, khu vực: Thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

+ Kinh phí phòng bệnh, thực hiện các chương trình, dự án và kinh phí thực hiện các chương trình, dự án dân số kế hoạch hóa gia đình được tính trên cơ sở nhiệm vụ thực tế được giao, theo định mức, chế độ và khả năng cân đối ngân sách.

4. Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội: Căn cứ vào thực tế nhiệm vụ chi giai đoạn 2022 - 2025 và các chế độ, chính sách do Trung ương và địa phương ban hành sẽ bố trí mức chi hợp lý và hàng năm tùy theo khả năng ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tăng tỷ lệ hợp lý.

5. Định mức chi quốc phòng - an ninh: Căn cứ vào nguồn ngân sách Trung ương phân bổ và nhiệm vụ chi theo phân cấp ngân sách sẽ phân bổ để bảo đảm các nhiệm vụ quốc phòng và an ninh của địa phương.





Phụ lục II

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH HUYỆN THỊ XÃ, THÀNH PHỐ (GỌI CHUNG LÀ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN) BAO GỒM NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN (GỌI CHUNG LÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ)

(Kèm theo Nghị quyết số 30 /NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

1. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục

- Trên cơ sở bảo đảm tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao tối đa 84%, chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi tiền lương và các khoản có tính chất lương tối thiểu 16% (chưa kể nguồn thu học phí), đối với biên chế chưa tuyển dụng đủ theo chỉ tiêu biên chế được giao được tính theo hệ số lương 2,34 và các khoản đóng góp theo quy định.

- Định mức phân bổ trên bao gồm các cấp giáo dục, các loại hình giáo dục theo phân cấp.

- Định mức chi nêu trên bao gồm tất cả các nhiệm vụ chi của các cấp giáo dục, các loại hình giáo dục theo phân cấp.

- Ngoài ra, phân bổ theo tiêu chí bổ sung, được xác định trên cơ sở số đối tượng thực tế, mức hỗ trợ theo số được Trung ương phân bổ và chế độ quy định gồm:

- + Chính sách phát triển giáo dục mầm non.
- + Hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật.
- + Hỗ trợ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập.

2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

Bao gồm các loại hình đào tạo, dạy nghề (chính quy, tại chức, đào tạo lại, các loại hình đào tạo dạy nghề khác), các cấp đào tạo, dạy nghề, Trung tâm bồi dưỡng chính trị, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, theo tiêu chí cụ thể sau:

- Đối với các đơn vị đào tạo tính lương, các khoản có tính chất lương và hoạt động theo định mức quy định tại Mục 3 Phụ lục này.

- Hoạt động đào tạo tại cấp huyện, định mức chi 400 triệu đồng/huyện, thị xã, thành phố/năm.

- Hoạt động đào tạo tại cấp xã, định mức chi 40 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm.

- Hoạt động đào tạo khác theo tiêu chí dân số là 8.000 đồng/người dân/năm.

3. Định mức phân bổ chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể: Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương hàng năm trong thời kỳ ổn định giao theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao, đối với biên chế chưa tuyển dụng đủ theo chỉ tiêu biên chế được giao được tính theo hệ số lương 2,34 và các



khoản đóng góp theo quy định; hoạt động tính theo biên chế được cấp thẩm quyền giao là 28 triệu đồng/biên chế/năm.

Ngoài ra, định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung cho các nhiệm vụ đặc thù của cấp ủy, HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố theo tiêu chí 5.000 triệu đồng/huyện, thị xã, thành phố và 200 triệu đồng/xã, phường, thị trấn.

4. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa thông tin: Theo tiêu chí dân số là 16.000 đồng/người dân/năm.

Ngoài ra, định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung cho các địa phương có nhà văn hóa thiếu nhi là 5.000 đồng/người dân/năm.

5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh truyền hình: Theo tiêu chí dân số là 9.000 đồng/người dân/năm.

6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục thể thao: Theo tiêu chí dân số là 7.000 đồng/người dân/năm.

7. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: Theo tiêu chí dân số là 20.000 đồng/người dân/năm.

Ngoài ra, định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung, được xác định trên cơ sở số đối tượng thực tế, mức hỗ trợ theo số được Trung ương phân bổ và chế độ quy định gồm:

- Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội.

- Kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội.

8. Định mức phân bổ chi quốc phòng: Theo tiêu chí dân số là 50.000 đồng/người dân/năm.

9. Định mức phân bổ chi an ninh: Theo tiêu chí dân số là 13.000 đồng/người dân/năm.

Ngoài ra, phân bổ theo tiêu chí bổ sung để hỗ trợ kinh phí phụ cấp hàng tháng cho lực lượng Bảo vệ dân phố là 10 triệu đồng/tổ/năm.

10. Định mức chi sự nghiệp khoa học công nghệ: Theo tiêu chí dân số là 3.000 đồng/người dân/năm.

11. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế

- Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số là 80.000 đồng/người dân/năm.

- Tùy theo tính chất đô thị, phân bổ chi sự nghiệp kinh tế cho các huyện, thị xã, thành phố như sau:

- + Thành phố Vị Thanh: 40.000 triệu đồng/đơn vị/năm;

- + Thành phố Ngã Bảy: 29.000 triệu đồng/đơn vị/năm;

- + Thị xã Long Mỹ: 19.500 triệu đồng/đơn vị/năm;

- + Huyện Vị Thủy: 16.000 triệu đồng/đơn vị/năm;

- + Huyện Phụng Hiệp, huyện Châu Thành, huyện Châu Thành A: 15.000 triệu đồng/đơn vị/năm;

- + Huyện Long Mỹ: 13.000 triệu đồng/đơn vị/năm.

Ngoài ra, định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung, được xác định trên cơ sở số đối tượng thực tế, mức hỗ trợ theo số được Trung ương phân bổ và chế độ

quy định gồm:

- Hỗ trợ kinh phí sử dụng giá dịch vụ, sản phẩm công ích thủy lợi.
- Hỗ trợ kinh phí cho địa phương sản xuất lúa theo chế độ quy định.

Định mức chi sự nghiệp kinh tế nêu trên bao gồm tất cả các nhiệm vụ chi theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước và các chế độ chính sách của Nhà nước ban hành. Trong đó, đã ưu tiên bố trí kinh phí cho lĩnh vực nông nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

12. Định mức phân bổ chi hoạt động sự nghiệp môi trường: Theo tiêu chí dân số là 40.000 đồng/người dân/năm.

Ngoài ra, bổ sung cho thành phố Vị Thanh: 7.500 triệu đồng, thành phố Ngã Bảy 7.000 triệu đồng, thị xã Long Mỹ: 2.000 triệu đồng để thực hiện công tác thu gom rác thải, vệ sinh môi trường đô thị tại trung tâm đô thị lớn của tỉnh.

13. Chi thường xuyên khác của ngân sách: Phân bổ theo tỷ trọng bằng 0,5% tổng các khoản chi thường xuyên đã được tính theo định mức phân bổ dự toán chi ngân sách của từng huyện, thị xã, thành phố (từ Mục 1 đến Mục 12 Phụ lục này, không bao gồm định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung).

14. Định mức chi ngân sách xã, phường, thị trấn

- Chi cho con người (lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp, phụ cấp đại biểu Hội đồng nhân dân, phụ cấp cấp ủy,...) hàng năm trong thời kỳ ổn định giao theo biên chế, định suất được cấp có thẩm quyền giao. Đối với biên chế chưa tuyển dụng đủ theo chỉ tiêu biên chế được giao được tính theo hệ số lương 2,34 và các khoản đóng góp theo quy định.

- Chi quản lý hành chính:

+ Theo tiêu chí xã, phường, thị trấn là 650 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm.

+ Theo tiêu chí ấp, khu vực là 100 triệu đồng/ấp, khu vực/năm.

Ngoài ra, bổ sung thêm 14 triệu đồng/ấp, khu vực để thực hiện xã văn hóa, văn hóa nông thôn mới, xã nông thôn mới; phường, thị trấn thực hiện văn minh đô thị.

Định mức chi ngân sách xã, phường, thị trấn nêu trên bao gồm tất cả các nhiệm vụ chi theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước và các chế độ chính sách của Nhà nước ban hành.

15. Định mức phân bổ chi khen thưởng: Phân bổ theo tỷ trọng bằng 1% các khoản chi thường xuyên đã được tính theo định mức phân bổ dự toán chi ngân sách của từng huyện, thị xã, thành phố (từ Mục 1 đến Mục 14 Phụ lục này, không bao gồm định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung).

16. Đối với những địa phương có dân số thấp: Đối với những địa phương có dân số dưới 80.000 dân được phân bổ thêm 5% số chi tính theo định mức dân số nêu trên.

17. Dự phòng ngân sách: Phân bổ dự phòng ngân sách cấp huyện và cấp xã theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.



18. Đối với các địa phương thuộc tỉnh khi áp dụng định mức này mà các lĩnh vực: Giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học công nghệ và dự toán chi thường xuyên còn lại năm 2022 (không bao gồm chế độ, chính sách) thấp hơn dự toán chi đầu năm 2021 thì sẽ được bổ sung để đảm bảo không thấp hơn mức dự toán đầu năm 2021.

19. Định mức phân bổ là cơ sở để xây dựng và phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp huyện (bao gồm ngân sách cấp xã). Riêng mức phân bổ cho các nhiệm vụ chi thường xuyên cụ thể của cấp huyện và mức phân bổ giữa ngân sách cấp huyện với ngân sách cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, khả năng nguồn thu ngân sách để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét quyết định phân bổ cụ thể hàng năm, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao cho các ngành, các cấp trên địa bàn.